Giáo viên thực hiện: ***Đào Thị Lan Anh - Trường THPT Mỹ Đức C – Hà Nội***

***Trịnh Mai Minh - Trung tâm GDNN-GDTX quận Hải An – Hải Phòng***

**BÀI 8: BI KỊCH**

**B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**THỰC HÀNH NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT (Tiếp theo)**

**(Số tiết: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**- Học sinh ôn tập và nắm lại** được kiến thức về đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (đã học ở bài 3)

**- Học sinh nhận biết** và phân biệt được các trường hợp ngôn ngữ nói ở dạng viết và ngôn ngữ viết ở dạng nói

**- Học sinh hình thành** thói quen cân nhắc sử dụng đúng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để đạt hiệu quả cao.

**2. Về năng lực**

**- Học sinh vận dụng** kiến thức đã học để giải bài tập.

**3. Về phẩm chất**: Trân trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; có ý thức sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết đúng phù hợp với hoàn cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1.** **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (đã học ở bài 3).

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức trò chơi ***Ai nhanh hơn?***  Nội dung:  + Chọn 02 bạn trong lớp tham gia trò chơi.  + Mỗi câu trả lời đúng, bạn đó tiến lên 1 bước.  + Bạn tiến lên cao nhất là người chiến thắng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV nêu yêu cầu, trả lời câu hỏi và thực hiện theo luật chơi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  - Từ trò chơi, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Chúng ta đều biết: có hai loại phương tiện để trao đổi thông tin, đó là ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Tiết học hôm nay, cô cùng các em củng cố, khắc sâu về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.* | **Câu 1**. Dòng nào sau đây không phải là đặc điểm của ngôn ngữ nói?   1. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh. 2. Ngôn ngữ nói đa dạng về ngữ điệu. 3. Ngôn ngữ nói sử dụng nhiều lớp từ, kiểu câu đa dạng. 4. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ tinh luyện và trau chuốt.   **Câu 2.**Điểm khác biệt rõ nhất giữa ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói về đặc điểm diễn đạt là gì?   1. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với từng phong cách. 2. Diễn đạt chặt chẽ, rõ ràng, trong sáng. 3. Sử dụng câu dài với nhiều thành phần câu. 4. Từ ngữ có tính biểu cảm cao.   **Câu 3.** Điểm khác biệt rõ nhất giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết về phương tiện vật chất là gì?   1. Có sự phối hợp giữa âm thanh với các phương tiện phi ngôn ngữ. 2. Có sự xuất hiện trực tiếp của người nghe. 3. Ngôn ngữ tự nhiên, ít trau chuốt. 4. Sử dụng các yếu tố dư, thừa, lặp,...   **Câu 4.** Trong những trường hợp sau, trường hợp nào mang đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ viết?   1. Bài báo ghi lại cuộc tọa đàm. 2. Biên bản ghi lại những lời phát biểu trong cuộc họp. 3. Lời thuyết trình theo một văn bản chuẩn bị trước. 4. Đoạn đối thoại của các nhân vật trong tác phẩm văn học.   **Câu 5.**Ngôn ngữ viết được sự hỗ trợ của yếu tố nào?   1. Nét mặt 2. Cử chỉ 3. Dấu câu 4. Điệu bộ   **Câu 6.**Trong nói và viết, cần tránh hiện tượng nào?   1. Ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết. 2. Ngôn ngữ viết được trình bày lại bằng lời nói. 3. Dùng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết đúng lúc, đúng chỗ. 4. Dùng những yếu tố đặc thù của ngôn ngữ viết khi nói.   **Đáp án:**  **1.D 2.C 3.B 4.C 5.D. 6.D** |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố và ôn tập về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (đã học ở bài 3).

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -  GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, nhớ lại và hoàn thiện phiếu học tập bên dưới theo nhóm cặp đôi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -  HS tạo nhóm cặp đôi  - HS thực hiện phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng. | **I. Ôn tập đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương diện | Ngôn ngữ nói | Ngôn ngữ viết | | Tình huống giao tiếp. |  |  | | Phương tiện ngôn ngữ |  |  | | Phương tiện hỗ trợ |  |  | | Hệ thống các yếu tố ngôn ngữ |  |  | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phương diện** | **Ngôn ngữ nói** | **Ngôn ngữ viết** | | **Tình huống giao tiếp.** | – Tiếp xúc trực tiếp  – Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai.  – Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ  – Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích | – Không tiếp xúc trực tiếp  – Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai  – Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB.- Có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ | | **Phương tiện ngôn ngữ** | – Âm thanh | – Chữ viết | | **Phương tiện hỗ trợ** | – Ngữ điệu  – Nét mặt, ánh mắt  – Cử chỉ, điệu bộ | – Dấu câu  – Hình ảnh minh họa  – Sơ đồ, bảng biểu | | **Hệ thống các yếu tố ngôn ngữ** | – Từ ngữ :     + Khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ     + Trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen.  – Câu: Kết cấu linh hoạt (câu tỉnh lược, câu có yếu tố dư thừa…)  – Văn bản : không chặt chẽ, mạch lạc. | – Từ ngữ :     + Được chọn lọc, gọt giũa     + Sử dụng từ ngữ phổ thông.  – Câu : Câu chặt chẽ, mạch lạc: câu dài nhiều thành phần.  – Văn bản : có kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao. | | |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (đã học ở bài 3) để làm các bài tập trong SGK.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Nhóm 1:Bài tập 1*  *+ Nhóm 2: Bài tập 2*  *+ Nhóm 3: Bài tập 3*  *+ Nhóm 4: Bài tập 4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi thảo luận và thống nhất nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm treo bảng phụ, trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **- GV nêu câu hỏi phát vấn:**  Cho biết tác dụng của việc vận dụng sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong đoạn trích trên? | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**   * *Phương tiện ngôn ngữ:*   *-* Âm thanh/ngôn ngữ nói  - Các phương tiện phi ngôn ngữ: Cử chỉ *(bịt tai lại, lắc đầu)*, nét mặt *(buồn rầu, tuyệt vọng,…)*, giọng điệu *(thì thầm, an ủi)*….   * *Nhân vật giao tiếp:*   Cóngười nói và người nghe: Hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt  →luân phiên vai nói - nghe   * *Từ ngữ:*   - Giản dị, dễ hiểu  - Sử dụng nhiều các trợ từ, thán từ: *nhỉ, chứ, đấy….*   * *Câu:*   Sử dụng nhiều câu tỉnh lươc, câu đặc biệt: *Không!, Nực cười thật!, Chiều chuộng?, Chứ sao?, Trời!* *…*  **2. Bài tập 2**   * *Phương tiện ngôn ngữ:*   – Phương tiện ngôn ngữ: chữ viết.  – Phương tiện hỗ trợ: dấu câu.   * *Nhân vật giao tiếp:*   Người viết và người nói → không tiếp xúc trực tiếp.   * *Từ ngữ:*   - Sử dụng từ ngữ phổ thông.  - Được chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt, giàu hình ảnh: *tiếng mẹ đẻ, con ong hút nhụy…*   * *Câu:*   - Không sử dụng câu rút gọn, câu đặc biệt.  - Câu chặt chẽ, mạch lạc   * *Đoạn văn:*   Có kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao. |
| **3. Bài tập 3**  \* Xác định lời của người kể và nhân vật:  - Đoạn trích là lời kể chuyện/trần thuật của tác giả, tức là ngôn ngữ viết.  - Lời của nhân vật, tức là ngôn ngữ đối thoại/ngôn ngữ nói:  *+* Lời của cả làng Vũ Đại*: “Chắc nó trừ mình ra!”*  + Lời của Chí Phèo: “*Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không?...[…] Tức thật! Ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất!”*  \* Đặc điểm của ngôn ngữ đối thoại/ngôn ngữ nói:  + Nhân vật giao tiếp: *Chí Phèo và dân làng Vũ Đại*  + Phương tiện giao tiếp: *âm thanh/lời nói*  + Phương tiện hỗ trợ: *giọng điệu (Giọng điệu của Chí Phèo: bực tức, giọng điệu của người dân làng Vũ Đại: thờ ơ)*  - Từ ngữ:  + Sử dụng nhiều khẩu ngữ: *"chẳng sao", "chẳng là ai", "trừ", "không ai lên tiếng","không chửi nhau với hắn", "không ai ra điều", "có phí rượu không", "có khổ hắn không?", "không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn…", "có trời mà biết", "hắn không biết", "cả làng Vũ Đại không ai biết"…*  + Dùng từ hô gọi, từ cảm thán trong lời nhân vật: *“Ờ”, “A ha”*  - Câu:  Sử dụng nhiều kiểu câu thường dùng trong ngôn ngữ nói: câu tỉnh lược, nhiều câu cảm than, câu hỏi.  VD: *"Có hề gì?", "Tức thật", "Ờ thế này thì tức thật!"…, "Mẹ kiếp", "thế có phí rượu không?*  \* Đặc điểm của ngôn ngữ viết:  - Phương tiện giao tiếp: *chữ viết*  - Phương tiện hỗ trợ:   * Hệ thống dấu câu: dấu (.), dấu (!), dấu (?)… * Nhịp điệu: nhịp điệu nhanh, dồn dập và tạo nên kịch tính cho truyện   - Từ ngữ:   * Được chọn lọc và sử dụng một cách chân xác, phù hợp với tình huông của nhân vật. * Ngôn ngữ đa dạng: có ngôn ngữ trần thuật, có ngôn ngữ kể, có ngôn ngữ bình luận ("có hề gì", "thế cùng chẳng sao", "không ai ra điều"…)   - Câu:   * Nhiều loại câu đan cài vào nhau: câu kể, câu hỏi tu từ, câu cảm thán,…, biến hoá, đa dạng. * ***Sử dụng biện pháp tu từ cú pháp:*** * Điệp cú pháp, liệt kê: hắn chửi trời… hắn chửi đời… chửi ngay… chửi đứa… * Cuối câu chửi sử dụng nghệ thuật chêm xen (“đẻ ra cái thằng Chí Phèo“)   ►Đoạn trích có sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, giữa lời trực tiếp và lời nửa trực tiếp.  ►Nam Cao ở trong câu chuyện đó với vai trò là người quan sát cả làng Vũ Đại và đôi khi nhà văn như vào sâu trong nội tâm nhân vật Chí Phèo để nhấn mạnh nỗi đau khổ, tuyệt vọng của Chí Phèo và sự đồng cảm, xót thương của nhà văn. |
| **Bài tập 4 - SGK**  ***- GV hướng dẫn HS một cuộc đối thoại dựa trên những tiêu chí liên quan:*** nhân vật giao tiếp, lời đối thoại của từng nhân vật, nội dung lời thoại:  + Nhân vật trong cuộc đối thoại là ai? Chí Phèo với Bá Kiến, Chí Phèo với Thị Nở,…  + Nội dung của một cuộc đối thoại: bàn về một phân cảnh cụ thể trong truyện Chí Phèo.  + Lời thoại: trực tiếp hay gián tiếp; lời trần thuật hay lời thoại của nhân vật.  **- Gợi ý một đoạn kịch ngắn hoặc một đoạn đối thoại giữa các nhân vật thể hiện được những đặc điểm của ngôn ngữ nói:** | **Cảnh 1: Chí Phèo ăn vạ (Ở trước nhà Bá Kiến)**  **Chí Phèo:** Bá kiến nhà Bá Kiến đây rồi, mày ra đây cho ông, ra đây ông gặp mày, nhờ phúc của mày ông về rồi đây. Ông sống chết với bố con nhà mày, chó má tổ tông nhà mày, ông chửi hết, chúng mày chui ra đây…  Lí Cường: Á à…. Cái thằng không cha không mẹ này, mày lôi thôi cái gì đấy, mày có muốn lôi thôi nữa không, ông cho mày lôi thôi...( đấm Chí Phèo)  **Chí Phèo:** Ối làng nước ơi … ối bà con ơi ... Thằng Lí Cường nó đánh tôi..... Cha con nhà Bá Kiến đâm chết tôi... ối dời ôi …  **Bá Kiến (đi vào):** Có việc gì mà đông thế này ? Ối giời ơi, anh Chí .... Sao nằm vật vưỡng thế kia.....Có chuyện gì nói tôi nghe ?  **Chí Phèo:** Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày, tao mà chết bố con mày sạt nghiệp, mà còn rủ tù chưa biết chừng.  **Bá Kiến (cười nhạt):** Lí Cường biết tội mày chưa ? Ai lại chọc giận anh Chí Phèo như thế ? Mau bảo người nhà đun nước rồi mời anh Chí vào... Mau lên! - Còn các ông, các bà nữa về đi thôi... - Anh Chí... Anh về bao giờ mà không qua nhà tôi chơi, thôi anh dậy đi rồi mình vào nhà uống nước... Có gì ta nói chuyện tử tế với nhau chứ, tôi biết cái thằng Lí Cường nó hỗn với anh... Ai chứ anh với nó có họ cả đấy...(Bá Kiến đỡ Chí Phèo)  **Cảnh 2: Cái chết của Chí Phèo (tại nhà Bá Kiến)**  **Bá Kiến:** Bà Tư đi đâu mà lâu thế không biết ? Giá có bà ở nhà,bóp đầu cho ông thì sướng phải biết đấy nhỉ ! Người đâu, bốn mươi tuổi rồi mà cứ phây phây, bọn trai trẻ nó trêu đùa, cười tít cả mắt lại mới chết chứ. Kiểu này, ông phải cho đi tù, đi tù hết !  *Chí Phèo đến.*  **Bá Kiến:** Ông đau đầu quá mà sao chưa thấy bà Tư về nhở ?  **Chí Phèo:** Bá Kiến ! Thằng Bá Kiến đâu rồi ?  **Bá Kiến (thì thầm):** Người cần thì chẳng thấy đâu, người không cần thì cứ vác mặt đến. - Thằng Chí đấy hả ? - Lè bè cũng vừa vừa thôi chứ ? - Tôi không phải là cái kho.  **Bá Kiến (quăng tiền ra cho Chí Phèo):** Cầm lấy mà cút, đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn đi chứ, cứ báo người ta mãi à ?  **Chí Phèo (trợn mắt, chỉ tay vào mặt cụ Bá):** Tao không đến đây để xin năm hào của mày.  **Bá Kiến:** Thôi,anh cầm lấy hộ đi... Tôi không còn hơn nữa đâu .  **Chí Phèo:** To mồm ! Tao tới đây không phải để xin tiền cơ mà !  **Bá Kiến:** Giỏi…Mãi đến hôm nay tôi mới nghe thấy anh không cần tiền. Thế thì anh cần gì ?  **Chí Phèo:** Tao muốn làm người lương thiện.  **Bá Kiến (cười):** Ồ... tưởng gì ! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nó nhờ.  **Chí Phèo:** Không, tao không thể là người lương thiện được nữa. Ai... ai cho tao lương thiện ? Ai có thể xoá hết những vết mảnh chai trên khuôn mặt này? -Tao không thể làm người lương thiện được nữa. Chỉ có một cách… biết không!... Chỉ còn một cách là.. cái này! Biết không!...  *Chí Phèo rút dao ra và đâm Bá Kiến chết rồi hắn cũng tự sát […]*  **Thị Nở (chạy đến):** Bá...Bá Kiến ! Chí... Gớm! Sao có lúc nó hiền như đất… Nói dại, nếu mình chửa, nó chết rồi, phải làm thế nào ? |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:**  - HS biết vận dụng kiến thức đã học để sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết một cách phù hợp và đạt hiệu quả cao trong giao tiếp.  - HS thực hiện làm bài tập 4 - SGK  **b**. **Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***- GV yêu cầu HS thực hành:***  **Lấy một ví dụ và phân biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.**  ***- Thảo luận cặp đôi***  ***- HS tiếp nhận nhiệm vụ.***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu và thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp. | **HS lấy một ví dụ và phân biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.** |

**\* Hướng dẫn học bài:**

- GV dặn dò HS:

+ Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 11 tập 2 – bài 8 – Phần thực hành Tiếng Việt.

+ Soạn bài: ***Nghị luận về một tác phẩm kịch***

**BÀI 8: BI KỊCH**

**E. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Câu** **1**.

Sắp xếp các sự kiện sau theo trật tự thời gian của cốt truyện:

(1) Mị Nương nghe tiếng hát của Trương Chi và muốn gặp chàng

(2) Mị Nương rót nước vào chén, bóng thuyền của Trương Chi hiện lên

(3) Trương Chi tự vẫn và được chôn dưới gốc cây bạch đàn

(4) Mị Nương gặp Trương Chi và thấy dung nhan của chàng

A. (1)-(2)-(3)-(4)

B. (1)-(2)-(4)-(3)

C. (1)-(3)-(2)-(4)

D. (1)-(4)-(3)-(2)

► **TRẢ LỜI:** Chọn đáp án D

**Câu 2**:

Phương án nào dưới đây nêu đúng địa điểm Mị Nương và Trương Chi gặp gỡ?

A. Vườn nhà Mị Nương

B. Bến sông

C. Trên lầu của Mị Nương

D. Dưới gốc cây bạch đàn

► **TRẢ LỜI:** Chọn đáp án A

**Câu 3**:

Thông tin nào dưới đây không phản ánh đúng hình ảnh thực của Trương Chi trong tác phẩm?

A. Trên người chỉ có manh áo vá, mảnh quần xơ

B. Mặt mũi đen cháy, hai bàn tay cộm những chai

C. Có giọng hát hay, làm người nghe xao xuyến

D. Gương mặt sáng láng, ít được thấy ở trên đời

► **TRẢ LỜI:** Chọn đáp án D

**Câu 4**. Thái độ của Mị Nương khi chứng kiến diện mạo của Trương Chi là gì?

A. Bình thản, điềm tĩnh

B. Sững sờ, thất vọng

C. Dửng dưng, lạnh nhạt

D. Hờ hững, chua chát

► **TRẢ LỜI:** Chọn đáp án B

**Câu 5**:

Tìm những ví dụ tiêu biểu cho thấy các chỉ dẫn sân khấu có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ bối cảnh, hành động, tâm trạng nhân vật, xung đột trong lời thoại của nhân vật?

►TRẢ LỜI:

- Chỉ dẫn "Ánh đè từ trên lầu xuống dưới nhà....bóng tối mờ" đã miêu tả lại bối cảnh gặp mặt giưa Trương Chi và nhân vật Mị Nương.

- Chỉ dẫn cho hành động của nàng Mị Nương khi nhìn Trương Chi bỏ đi sau khi nhìn thấy nhan sắc thật của chàng (Vùng đến bên Trương Chi, muốn ôm rồi lại quay đi, bưng mặt, khóc nức nở) đã diễn tả nội tậm nhân vật Mị Nương tại thời điểm đó. Lời nói muốn ngăn cản, nhưng trong lọng lại rối ren. Và để biểu thị cho tâm lí nhân vật, chỉ dẫn đã đưa ra hành động của nhân vật là bưng mặt khóc nức nở.

**Câu 6**:

Lời thoại của Mị Nương và bà vú về Trương Chi ở đầu văn bản kịch cho thấy hình ảnh của Trương Chi như thế nào trong cảm nhận của Mị Nương?

►TRẢ LỜI:

Trương Chi trong câu nói của Mị Nương là một người dịu dàng, có nụ cười hiền hậu, có giọng hát hay và gương mặt sáng sủa, ưa nhìn. Đối với Mị Nương, Trương Chi là một chàng trai tốt cả về nhan sắc đến nhân phẩm, tài năng.

**Câu 7**:

Xung đột không thể hoá giải trong tâm hồn Mị Nương là gì? Dựa vào đâu có thể khẳng định điều đó?

►TRẢ LỜI:

Qua chi tiết "Mị Nương: Không! Anh Trương Chi! (Vùng đến bên Trương Chi, muốn ôm rồi lại quay đi, bưng mặt, khóc nức nở) Tôi... Tôi không thể nào... tôi xin lỗi... xin lỗi...", có thể thấy, xung đột không thể hoá giải trong tâm hồn Mị Nương là việc Mị Nương yêu Trương Chi nhưng không thể nào chấp nhận nhan sắc xấu xí của chàng. Ban đầu nàng yêu thích Trương Chi rất nhiều, đòi bà vú đưa chàng đến gặp nàng. Trong cuộc trò chuyện với Trương Chi, ban đầu nàng khăng khăng muốn được bên chàng, dù phải từ bỏ cuộc sống giàu sang phú quý để theo chàng. Thế nhưng, giây phút nhìn thấy nhan sắc của chàng, Mị Nương cảm thấy sững sờ, không thể tin được, nhìn chàng bỏ đi, nàng muốn ôm nhưng cuối cùng lại quay đi, bưng mặt khóc nức nở.

**Câu 8**. Em có suy nghĩ gì về câu nói của Trương Chi với Mị Nương: “Ừ, thôi anh cũng chẳng muốn em yêu anh như yêu một cái bóng mờ...”?

►TRẢ LỜI:

Câu nói “Ừ, thôi anh cũng chẳng muốn em yêu anh như yêu một cái bóng mờ...” của Trương Chi cho thấy, bản thân anh cũng biết mình xấu xí, thân phận thấp hèn không thể xứng với Mĩ Nướng. Chàng cũng biết Mĩ Nương không biết nhan sắc thật của mình xấu xí thế nào. Chàng không muốn tình yêu của mình có sự lừa dối, chàng muốn Mị Nương yêu con người thật của mình.

**Câu 9**:

Theo em, nhân vật Trương Chi hay Mị Nương là nhân vật bi kịch? Vì sao?

►TRẢ LỜI:

Theo em, nhân vật Trương Chi là nhân vật bi kịch bởi lẽ:

Trương Chi sở hữu giọng ca khiến người ta phải xao xuyến, nhưng chàng ta có dung mạo xấu xí, gia cảnh lại nghèo khó. Giây phút Mị Nương nhìn thấy dung mạo xấu xí của chàng đã Sững sờ. Mĩ Nương không thể chấp nhận dung mao chàng. Trương Chi đã tự vẫn để kết thúc cuộc đời minh. Mối tình của Trương Chi là mối tình tuyệt vọng.

**Câu 10**. Thông điệp mà vở kịch Trương Chi muốn gửi đến người đọc là gì? Thông điệp đó còn có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay?

►TRẢ LỜI:

- Thông điệp mà vở kịch muốn gửi đến người đọc là: Phải biết đối mặt với chính mình, trân trọng bản thân hơn.

- Thông điệp này có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống ngày nay. Chúng ta là những con người rất riêng với những tư chất và tham vọng không giống nhau. Thế mạng của người này không hẳn là thế mạnh của người khác, tham vọng của người này không phải là tham vọng của người khác. Trong từng quy trình tiến độ của cuộc sống, chúng ta hãy luôn luôn là chính mình. Điều đó sẽ giúp chúng ta hài lòng hơn về bản thân và về cuộc sống xung quanh.